

Số: 356/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục và mức trần kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Bộ Công Thương đặt hàng bắt đầu thực hiện năm 2026 (bổ sung)

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền đối với Bộ Công Thương năm 2026; các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026;

Công văn số 8128/BKH-CN-KHTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026;

Căn cứ đề xuất của các đơn vị theo hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Công văn số 711/BCT-ĐCK ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ và xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ quản lý nhà nước và phát triển ngành Công Thương và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục và mức trần kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Bộ Công Thương đặt hàng bắt đầu thực hiện



năm 2026 (bổ sung) tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và Thủ trưởng đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về hồ sơ, trình tự, thủ tục các bước để tổ chức thực hiện nhiệm vụ nêu tại Điều 1 theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Q. Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu VT, ĐCK, DiemDX.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



**PHỤ LỤC I: DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO DO BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO**

(Kèm theo Quyết định số **356** /QĐ-BCT ngày **27** tháng **02** năm **2026** của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
1.	Xây dựng kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên: Các dòng camera phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng	Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ	<p>1. Thực hiện nhiệm vụ phân công của Bộ Công Thương tại Quyết định số 2815/QĐ-TTg.</p> <p>2. Xác định các nhiệm vụ, cụm/chuỗi nhiệm vụ sẽ được Bộ Công Thương đặt hàng, tài trợ trong giai đoạn 2026 – 2030 để làm chủ các công nghệ lõi và chuyên giao, ứng dụng, sản xuất, thương mại hóa Các dòng AI camera phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng</p>	<p>1. Nghiên cứu về công nghệ AI camera phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng</p> <p>2. Báo cáo đánh giá chuỗi giá trị hiện có của các dòng AI camera phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng (xác định tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong giá bán sản phẩm và trong giá thành sản phẩm)</p> <p>3. Đánh giá trình độ công nghệ, năng lực hấp thụ, mức độ làm chủ công nghệ trong nước đối với các công nghệ lõi phục vụ phát triển các dòng AI camera phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng; từ đó xác định các dòng AI camera phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng cần ưu tiên làm chủ</p> <p>4. Kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên: Các dòng AI camera phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng (đảm bảo rõ việc, rõ sản phẩm, rõ người, rõ đơn vị ứng dụng, cụ thể nguồn lực và thời gian thực hiện)"</p>	1000	Tuyển chọn	06
2.	Xây dựng kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược	Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 của Thủ tướng	<p>1. Thực hiện nhiệm vụ phân công của Bộ Công Thương tại Quyết định số 2815/QĐ-TTg.</p> <p>2. Xác định các nhiệm vụ, cụm/chuỗi nhiệm vụ sẽ được Bộ Công Thương đặt hàng, tài trợ trong giai đoạn 2026 – 2030 để làm chủ các công</p>	<p>1. Nghiên cứu về công nghệ Robot di động tự hành phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng</p> <p>2. Báo cáo đánh giá chuỗi giá trị hiện có sản phẩm robot di động tự hành trong công nghiệp, thương mại và năng lượng (xác định tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong giá bán sản phẩm và trong giá thành sản phẩm).</p> <p>3. Đánh giá trình độ công nghệ, năng lực hấp thụ, mức độ làm chủ công nghệ trong nước đối với các công nghệ lõi phục vụ</p>	1000	Tuyển chọn	06

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	ưu tiên: Robot di động trong hành trình công nghiệp, thương mại và năng lượng	Chính phủ	nghe lỗi và chuyển giao, ứng dụng, sản xuất, thương mại hóa sản phẩm robot di động tự hành trong công nghiệp, thương mại và năng lượng	phát triển sản phẩm robot di động tự hành trong công nghiệp, thương mại và năng lượng; từ đó xác định Danh mục các robot di động cần ưu tiên làm chủ. 4. Kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên: sản phẩm robot di động tự hành trong công nghiệp, thương mại và năng lượng (đảm bảo rõ việc, rõ sản phẩm, rõ người, rõ đơn vị ứng dụng, cụ thể nguồn lực và thời gian thực hiện)	2000	Tuyển chọn	06
3.	Xây dựng kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên: Các dòng UAV phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng	Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/202 của Thủ tướng Chính phủ	1. Thực hiện nhiệm vụ phân công của Bộ Công Thương tại Quyết định số 2815/QĐ-TTg. 2. Xác định các nhiệm vụ, cum/chuỗi nhiệm vụ sẽ được Bộ Công Thương đặt hàng, tài trợ trong giai đoạn 2026 – 2030 để làm chủ các công nghệ lõi và chuyển giao, ứng dụng, sản xuất, thương mại hóa các dòng UAV phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng	1. Xác định các dòng/sản phẩm UAV ưu tiên nghiên cứu, phát triển, sản xuất, thương mại hóa trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại và năng lượng giai đoạn 2026 – 2030. 2. Báo cáo đánh giá chuỗi giá trị hiện có của các dòng UAV phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng (xác định tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong giá bán sản phẩm và trong giá thành sản phẩm). 3. Báo cáo đánh giá trình độ công nghệ, năng lực hấp thụ, mức độ làm chủ công nghệ trong nước đối với các công nghệ lõi phục vụ phát triển các dòng UAV phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng; từ đó xác định Danh mục các công nghệ lõi cần ưu tiên làm chủ. 4. Dự thảo Kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ KH, CN và ĐMST phát triển các dòng UAV phục vụ công nghiệp, thương mại và năng lượng. (đảm bảo rõ việc, rõ sản phẩm, rõ người, rõ đơn vị ứng dụng, cụ thể nguồn lực và thời gian thực hiện)	2000	Tuyển chọn	06
4.	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương	Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày	1. Thực hiện nhiệm vụ phân công của Bộ Công Thương tại Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2025 của	1. Báo cáo đánh giá, xác định các sản phẩm, thiết bị, linh kiện cần nội địa hóa phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt.	1800	Tuyển chọn	04

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/dề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	<p>trình Khoa Công nghệ và Đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt</p>	<p>23 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội.</p> <p>2. Xây dựng Chương trình Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt</p>	<p>Chính phủ về Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội.</p> <p>2. Xây dựng Chương trình Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt</p>	<p>2. Báo cáo đánh giá, xác định các công nghệ lõi cần nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng sản xuất các sản phẩm, thiết bị, linh kiện nội địa hóa.</p> <p>3. Báo cáo đánh giá khả năng thị trường của các sản phẩm, thiết bị, linh kiện nội địa hóa phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt.</p> <p>4. Dự thảo Chương trình Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ phát triển công nghiệp đường sắt trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.</p>	1500	Tuyển chọn	06
5.	<p>Tổ chức triển khai chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cấp công nghệ, nâng cao</p>	<p>Chương trình 02-CTr/BCĐ TW ngày 02/02/2026 của Ban chỉ đạo TW</p>	<p>1. Thực hiện nhiệm vụ được giao của Bộ Công Thương tại Chương trình 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban chỉ đạo TW.</p> <p>- Tổ chức triển khai chương trình nâng cấp công nghệ doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng</p>	<p>1. Báo cáo đánh giá một số chuỗi cung ứng trong các ngành cơ khí, dệt may, điện tử, hóa chất...Đề xuất một số ngành/ lĩnh vực/sản phẩm ưu tiên phát triển (gắn với mục tiêu phát triển kinh tế 2 con số, yêu cầu nội địa hóa trong các ngành, lĩnh vực): từ 3 – 5 ngành/lĩnh vực/sản phẩm.</p> <p>2. Đề xuất kế hoạch, chương trình khoa học công nghệ nâng cấp công nghệ cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực cơ khí, dệt may, hóa chất tham gia vào chuỗi cung ứng: 3. Ầy dựng danh mục dây chuyền, công đoạn trọng điểm để nâng cấp, đổi mới công nghệ, hỗ trợ kết nối cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu khoa học.</p>	1500	Tuyển chọn	06

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	hiệu suất, chất lượng, tham gia các chuỗi cung ứng.		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng danh mục dây chuyền hoặc công đoạn trọng điểm cần nâng cấp theo ngành; hướng dẫn doanh nghiệp lập kế hoạch nâng cao hiệu suất, chất lượng; tổ chức tư vấn kỹ thuật và cơ chế nhân rộng theo chuỗi cung ứng; theo dõi bằng KPI vận hành - Triển khai hiệu quả các chương trình thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa để tham gia chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường. - Thúc đẩy kết nối nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp với khối trường, viện nghiên cứu 2. Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chương trình khoa học và công nghệ nâng cấp công nghệ doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu suất, chất lượng 	4. Xây dựng Hồ sơ, nội dung dự thảo văn bản ban hành triển khai thực hiện (Dự thảo Quyết định, Tờ trình).			
6.	Xây dựng Bản đồ và Lộ trình, pháp giải đổi mới	Chương trình 02-CT/BCĐT W ngày 02/02/2026	Đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ phục vụ công nghiệp chế tạo Việt Nam và đề xuất lộ trình đổi mới công nghệ đáp	1. Bản đồ công nghệ các ngành CNHT phục vụ công nghiệp chế tạo, gồm: (1) Trang bị công nghệ (2) Tạo hình kim loại (3) Cắt gọt kim loại (4) Xử lý nhiệt (5) Xử lý bề mặt (6) Chế tạo kết cấu (7) Sản xuất nhựa/cao su kỹ thuật (8) Sản xuất điện - điện tử (9) Sản xuất và lắp ráp cụm hệ thống/sản phẩm.	3000	Tuyển chọn	18

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	công nghệ cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2035	của Ban chỉ đạo TW	ứng yêu cầu phát triển công nghiệp quốc gia.	<p>2. Báo cáo đánh giá thực trạng năng lực công nghệ của doanh nghiệp trong các ngành CNHT, gồm: mức độ trang bị công nghệ và thiết bị sản xuất, trình độ gia công, tiêu chuẩn chất lượng, hệ thống quản lý, hiện trạng tham gia chuỗi cung ứng, năng lực đổi mới.</p> <p>3. Báo cáo phân tích khoảng cách công nghệ giữa doanh nghiệp CNHT trong nước và yêu cầu của các ngành công nghiệp chế tạo chính như: ô tô, điện tử và cơ khí chế tạo, trong đó: Xác định mức độ đáp ứng của doanh nghiệp CNHT đối với yêu cầu về công nghệ, tiêu chuẩn và quản lý. Làm rõ các điểm nghẽn chủ yếu về công nghệ sản xuất, năng lực quản trị chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, vị thế trong chuỗi cung ứng, năng lực đổi mới.</p> <p>4. Lộ trình và giải pháp đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp CNHT cho từng nhóm ngành, gồm: định hướng đổi mới công nghệ, thiết bị và tiêu chuẩn; các giải pháp nâng cao năng lực quản lý, tiêu chuẩn chất lượng và năng lực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu; lộ trình nâng cao năng lực công nghệ và năng lực đổi mới; Danh mục dây chuyền hoặc công đoạn trọng điểm cần nâng cấp công nghệ cho doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ giai đoạn đến 2035.</p>			
7.	Nghiên cứu, tính toán đóng góp của các yếu tố vốn, lao động và TFP trong tăng trưởng của ngành ngành Công Thương và	Thông báo số 30-TB/TGV ngày 13/6/2025	1. Thực hiện nhiệm vụ được giao của Bộ Công Thương tại Thông báo số 30-TB/TGV ngày 13/6/2025. 2. Báo cáo, cập nhật kết quả tính toán đóng góp của các yếu tố vốn, lao động và TFP trong tăng trưởng của ngành ngành Công Thương và một số ngành công	<p>1. Báo cáo, cập nhật kết quả tính toán góp của các yếu tố vốn, lao động và TFP trong tăng trưởng của ngành ngành Công Thương và một số ngành công nghệ nền tảng, mũi nhọn;</p> <p>2. Phân rã, tính toán đóng góp của các yếu tố: thay đổi hiệu quả kỹ thuật (TEC), thay đổi hiệu quả kỹ thuật thuần túy (PTEC), thay đổi hiệu quả quy mô (SEC), tiến bộ kỹ thuật (TC) và thay đổi hiệu quả hỗn hợp</p> <p>3. Báo cáo đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy tăng năng suất các yếu tố đầu vào: vốn, lao động và TFP và các cấu phần của TFP (thay đổi hiệu quả kỹ thuật (TEC), thay đổi hiệu quả kỹ thuật</p>	1.500	Tuyển chọn	09

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	một số ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn		nghiệp nền tảng, mũi nhọn năm 2026	thuần túy (PTEC), thay đổi hiệu quả quy mô (SEC), tiến bộ kỹ thuật (TC) và thay đổi hiệu quả hỗn hợp) trong tăng trưởng của ngành Công Thương và một số ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn.			
8.	Xây dựng Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm cấp Bộ làm chủ và phát triển được các công nghệ, thiết bị, sản phẩm công nghệ, thiết bị, sản phẩm thuộc danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường	Triển khai Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22/8/2023	1. Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22/8/2023. 2. Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm cấp Bộ làm chủ và phát triển được các công nghệ, thiết bị, sản phẩm thuộc danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường	1. Báo cáo đánh giá hiện trạng công nghệ, thiết bị, sản phẩm xử lý môi trường tại Việt Nam. 2. Báo cáo đánh giá hiện trạng năng lực tổ chức triển khai của các đơn vị xử lý môi trường hiện có tại Việt Nam. 3. Báo cáo xác định các công nghệ lõi, thiết bị cần nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng để phát triển phục vụ ngành công nghiệp môi trường tại Việt Nam. 4. Danh mục công nghệ, thiết bị, sản phẩm cụ thể ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển ngành công nghiệp môi trường. 5. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm cấp Bộ làm chủ và phát triển được các công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường (đảm bảo Chương trình có tính mới, có mục tiêu cụ thể, thời gian thực hiện, định lượng được kết quả đầu ra và hiệu quả đầu tư; bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá). 6. Bản thuyết minh chương trình (bao gồm các nội dung chủ yếu sau: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá, tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động của chương trình).	1500	Tuyển chọn	09
9.	Xây dựng, tổ chức triển khai Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Triển khai thực hiện Khoản 7, Điều 3, Luật Địa chất và Khoáng sản	1. Thực hiện nhiệm vụ đã được Quốc hội giao tại Khoản 7, Điều 3, Luật Địa chất và Khoáng sản 2. Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm cấp Bộ làm	1. Báo cáo đánh giá hiện trạng công nghệ, thiết bị, sản phẩm của quá trình khai thác, tuyển, chế biến sâu từ nguồn tài nguyên khoáng sản đất hiếm và một số khoáng sản chiến lược khác trong ngành Công Thương. 2. Báo cáo xác định các công nghệ lõi, thiết bị cần nghiên cứu, làm chủ và phát triển trong quá trình khai thác, tuyển, chế biến sâu từ nguồn tài nguyên khoáng sản đất hiếm và một số khoáng sản chiến	2000	Tuyển chọn	09

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	<p>trọng điểm cấp Bộ làm chủ công nghệ khai thác, tuyển, chế biến sâu và sử dụng tài nguyên khoáng sản đất hiếm và một số khoáng sản khác trong ngành Công Thương theo định hướng phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn và thương mại hóa sản phẩm</p>	sản	<p>chủ công nghệ khai thác, tuyển, chế biến sâu và sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản đất hiếm và một số khoáng sản khác trong ngành Công Thương theo định hướng phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn và thương mại hóa sản phẩm</p>	<p>lược khác trong ngành Công Thương</p> <p>3. Danh mục công nghệ, thiết bị, sản phẩm cụ thể của quá trình khai thác, tuyển, chế biến sâu từ nguồn tài nguyên khoáng sản đất hiếm và một số khoáng sản khác trong ngành Công Thương ưu tiên nghiên cứu đầu tư phát triển.</p> <p>5. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trọng điểm cấp Bộ làm chủ công nghệ khai thác, tuyển, chế biến sâu và sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản đất hiếm và một số khoáng sản khác trong ngành Công Thương theo định hướng phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn và thương mại hóa sản phẩm (đảm bảo Chương trình có tính mới, có mục tiêu cụ thể, thời gian thực hiện, định lượng được kết quả đầu ra và hiệu quả đầu tư; bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá).</p> <p>6. Bản thuyết minh chương trình (bao gồm các nội dung chủ yếu sau: tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, chỉ tiêu đánh giá; tính khả thi; tính mới; khả năng thương mại hóa và tác động của chương trình).</p>			
10.	<p>Nghiên cứu thực trạng đối tượng chuyển đổi xanh tại Việt Nam, đề xuất cơ chế chính sách</p>	<p>- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ</p>	<p>Nghiên cứu thực trạng về chính sách, công nghệ và đánh giá thực trạng về chuyển đổi xanh cho các ngành tại Việt Nam và đề xuất và cơ chế, chính sách đột phá nhằm thực hiện chuyển đổi xanh tại Việt Nam.</p>	<p>1. Báo cáo nghiên cứu tổng quan kinh nghiệp quốc tế về chính sách, cơ chế và các mô hình chuyển đổi xanh</p> <p>2. Báo cáo khảo sát, nghiên cứu thực trạng về chuyển đổi xanh tại Việt Nam</p> <p>3. Báo cáo phân tích hiện trạng công nghệ, sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu, phát thải và mức độ sẵn sàng chuyển đổi xanh của doanh nghiệp Việt Nam</p>	3500	Tuyển chọn	24

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	đột phá phục vụ chuyển đổi xanh	Chính trị - Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ.		<p>4. Báo cáo khảo sát, phân tích Chuyển đổi xanh trong các chuỗi cung ứng và tiêu dùng xanh</p> <p>5. Báo cáo rà soát các quy định đã có trong lĩnh vực chuyển đổi xanh</p> <p>6. Báo cáo phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi xanh</p> <p>7. Báo cáo đánh giá, phân tích và đề xuất lộ trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và/hoặc bổ sung các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật đã có liên quan tới chuyển đổi xanh.</p> <p>8. Đề xuất các chính sách đột phá về chuyển đổi xanh</p> <p>9. Tổ chức 03 hội thảo tham vấn các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước, đối tượng liên quan tới chuyển đổi xanh</p> <p>10. Báo cáo tổng kết đề xuất các văn bản quy phạm pháp luật cần xây dựng, bổ sung. Dự thảo hoàn thiện các nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật cần xây dựng, bổ sung và lộ trình triển khai thực hiện</p>			
11.	Nghiên cứu, xây dựng lộ trình triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, quy kỹ thuật thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn cho các tiêu chuẩn kỹ thuật thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn	<p>- Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025</p> <p>- Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020</p> <p>- Quyết định số 3187/QĐ-BCT ngày 29/10/2025</p> <p>5 của Bộ trưởng Bộ</p>	<p>- Đề xuất được Lộ trình thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên trong ngành Công Thương,</p> <p>- Tạo nền tảng pháp lý toàn diện, thống nhất triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, nhằm thúc đẩy phát triển các lĩnh vực ngành Công Thương theo hướng bền vững phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế và gắn</p>	<p>1. Lộ trình xây dựng tiêu chuẩn cho 03 lĩnh vực ưu tiên ngành công thương;</p>	2000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		Công Thương	thực tiến trong nước về KTTH				
12.	Nghiên cứu, và đề xuất bộ tiêu chí về Kinh tế tuần hoàn trong các ngành, hoàn toàn trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên của ngành Công Thương	- Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 5 - Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 - Quyết định số 3187/QĐ-BCT ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Đề xuất được Bộ tiêu chí về Kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực ngành Công Thương góp phần hỗ trợ hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh các nguyên vật liệu, sản phẩm đáp ứng tiêu chí KTTH, thúc đẩy áp dụng mô hình KTTH	1. 01 Bộ tiêu chí khung về Kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực ngành Công Thương 2. 02 Bộ tiêu chí về KTTH cho 02 lĩnh vực ưu tiên	2000	Tuyển chọn	12
13.	Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn lựa chọn các biện pháp công nghệ để giám phát thải khí nhà kính cho các ngành, lĩnh	Quyết định 2600/QĐ-BCT ngày 30/9/2024	Nâng cao năng lực kiểm soát, giám phát thải khí nhà kính của ngành công thương trong quá trình tổ chức thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam, phục vụ công tác quản lý nhà nước, báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu và giám phát thải khí nhà kính	1. Báo cáo tổng hợp, cơ sở dữ liệu về các công nghệ giám phát thải khí nhà kính ở trong nước và trên thế giới thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương. 2. Xây dựng và hoàn thiện hướng dẫn lựa chọn các biện pháp công nghệ để giám phát thải khí nhà kính cho các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	2.000	Tuyển chọn	18

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương							
14.	Xây dựng mô hình lý thuyết đánh giá mức độ trưởng thành chuyên đổi số ngành Công Thương	Quyết định số 2780/QĐ-BCT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyên đổi số và phát triển sản xuất thông minh trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại đến 2035	Xây dựng mô hình lý thuyết chuẩn hóa quốc gia để đánh giá mức trưởng thành chuyên đổi số (Digital Maturity Model) của doanh nghiệp ngành Công Thương, tích hợp yếu tố Chuyển đổi Xanh và ESG số nhằm hỗ trợ quản trị số và báo cáo bền vững liên ngành.	<p>1. Bộ khung lý thuyết Digital Maturity tích hợp ESG số [trung thích với tiêu chuẩn quốc tế SIRI - Smart Industry Readiness Index]. Đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải xác định tối thiểu các trụ cột: Chiến lược, Công nghệ, Dữ liệu, Quy trình, ESG số và Con người & Văn hóa số. - Phải tham chiếu tối thiểu 3 mô hình quốc tế (như OECD, WEF, EU Digital Compass) và chuẩn hóa theo đặc thù chuỗi cung ứng của Bộ Công Thương. <p>2. Mô hình lượng hóa và thang đo 5-6 cấp độ trưởng thành kèm bộ chỉ số ROI đa biến. Đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thang điểm chuẩn hóa (0-100 hoặc 5-6 cấp) đảm bảo khả năng so sánh liên ngành (Cross-sector benchmarking). - Có công thức tính ROI liên hệ giữa đầu tư CDS và hiệu quả vận hành, tích hợp yếu tố chi phí vốn xanh và thuế carbon dự kiến. <p>3. Bộ công cụ khảo sát & hệ thống scoring tự động, hỗ trợ đa nền tảng Mobile/Web cho lãnh đạo doanh nghiệp. Đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phiên bản online tự động hóa scoring tích hợp Dashboard trực quan hóa sức khỏe số của doanh nghiệp. - Có hướng dẫn sử dụng chuẩn hóa cho các Sở Công Thương bao gồm quy trình thẩm định dữ liệu khảo sát độc lập. <p>4. Báo cáo phân tích ROI chuyên đổi số và ESG số từ 20 doanh nghiệp pilot, kèm bộ CSDL định mức phát thải Carbon thực tế của 5 ngành hàng chủ lực. Đáp ứng các yêu cầu sau:</p>	5000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
15.	Thiết kế & kiểm định Bộ chỉ số AI/IoT theo phân ngành	Quyết định số 2780/QĐ-BCT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Thiết kế Bộ chỉ số đánh giá mức độ tích hợp và hiệu quả ứng dụng AI/IoT theo từng phân ngành công nghiệp và thương mại, ưu tiên ngành nền tảng và chế biến chế tạo xuất khẩu, làm cơ sở phân bổ chính sách hỗ trợ trong Chương trình 2708 nhằm tối ưu hóa năng lực cạnh tranh.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích dữ liệu tối thiểu 20 DN thuộc ≥3 phân ngành ưu tiên các ngành dệt may, da giày, điện tử có áp lực chuyển đổi xanh lớn. - Đo được ít nhất 3 chỉ số hiệu quả (năng suất, chi phí, phát thải...) và khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm tự động. 5. Khuyến nghị chính sách & cơ chế triển khai trong Chương trình 2708, tích hợp lộ trình kết nối dữ liệu quốc gia. Đáp ứng các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất lộ trình triển khai 2026–2030 có tính đến gắn liền với các gói hỗ trợ tài chính từ ngân sách Chương trình 2708 (nếu có, phần này MOIT quyết). - Xác định cơ chế tích hợp với hệ thống báo cáo của Bộ Công Thương, đảm bảo tính bảo mật và quyền sở hữu dữ liệu doanh nghiệp. 	4500	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
16.	Xây dựng mô hình kiến trúc tham chiếu tích hợp IT-OT cho ngành Việt Nam	Quyết định số 2780/QĐ-BCT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Xây dựng mô hình kiến trúc tham chiếu tích hợp IT-OT cho nhà máy công nghiệp Việt Nam, bảo đảm khả năng tương thích giữa hệ thống legacy và công nghệ 4.0, làm nền tảng kỹ thuật chuẩn cho triển khai sản xuất thông minh trong Chương trình 2708 nhằm tối ưu hóa vòng đời tài sản và giảm chi phí đầu tư mới cho doanh nghiệp.	<p>3. Thuật toán scoring & công cụ đánh giá tự động có khả năng tự học (Self-learning) dựa trên dữ liệu thực tế đồ vẽ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt khả năng tự động hóa $\geq 80\%$ quy trình chấm điểm giảm thiểu sai số do can thiệp thủ công. - Có dashboard trực quan tích hợp tính năng giả lập (Virtual Sandbox) để SME tính toán ROI trước khi đầu tư thực. <p>4. Báo cáo kiểm định thực địa 10 SME so sánh dự báo lợi ích kinh tế với kết quả thực sau 06 tháng vận hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh kết quả scoring với đánh giá chuyên gia độc lập [sai số không vượt quá 20%]. - Đo lường được tỷ lệ giảm hàng lỗi (Defect rate) và tiết kiệm năng lượng thực tế tại 10 SME. <p>5. Hướng dẫn triển khai áp dụng cấp ngành & địa phương kèm danh mục các giải pháp AI/OT "Quick-win" cho SME.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy trình áp dụng cho SME [tinh gọn, dễ hiểu, không đòi hỏi hạ tầng IT quá phức tạp]. - Có đề xuất tích hợp vào hệ sinh thái dữ liệu của Bộ [xây dựng cấu trúc thu mục dữ liệu chuẩn ngành Công Thương để sẵn sàng cho Big Data]. 	5500	Tuyển chọn	12
				<p>1. Bộ kiến trúc tham chiếu IT-OT tích hợp 5 lớp tương thích với mô hình Cyber-Physical Systems (CPS).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định rõ 5 lớp: Thiết bị – Điều khiển – Giám sát – Ứng dụng – Quản trị và sự tương tác theo chiều ngang giữa các chuỗi giá trị. - Có sơ đồ kiến trúc logic & vật lý chuẩn hóa mô tả rõ vị trí đặt các lớp bảo mật - DMZ giữa IT và OT. <p>2. Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo tương thích legacy – 4.0 bao gồm danh mục các Gateway chuyển đổi giao thức phổ biến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa cơ chế API/middleware tích hợp hệ thống cũ ưu tiên giải pháp đóng gói - Containerization để dễ triển khai. 			

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
17.	Thiết kế kiến trúc dữ liệu và tích hợp hệ thống thời gian thực cho nhà máy thông minh	Quyết định số 2780/QĐ-BCT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ	Xây dựng kiến trúc dữ liệu và chuẩn tích hợp thời gian thực cho nhà máy thông minh nhằm xóa bỏ tình trạng “ốc đảo dữ liệu” (Data Silos), tạo nên tầng ra quyết định tức thời và tối ưu vận hành trong Chương trình 2708	<p>Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải tương thích tối thiểu 3 nhóm hệ thống phổ biến (SCADA, ERP, MES) và hỗ trợ các chuẩn truyền thông công nghiệp cũ như Modbus, Profibus. 3. Mô hình quản trị vận hành tích hợp (Integrated Operation Governance Model) xóa bỏ rào cản giữa đội ngũ kỹ sư vận hành và kỹ sư CNTT - Xác định rõ vai trò IT-OT convergence quy định rõ trách nhiệm sở hữu dữ liệu (Data Ownership) giữa các bộ phận. - Có quy trình xử lý sự cố & quản lý thay đổi đặc biệt là quy trình cập nhật phần mềm (Patching) cho hệ thống OT mà không dừng sản xuất. 4. Báo cáo pilot 5 nhà máy (đo downtime $\geq 20\%$ giảm) và tăng chỉ số Hiệu suất thiết bị tổng thể OEE từ 5-10%. - Đo downtime trước-sau triển khai đánh giá khả năng bảo trì dự báo dựa trên dữ liệu tích hợp. - Phân tích ít nhất 3 chỉ số vận hành (OEE, MTBF, MTTR) kèm phân tích ROI cho từng hạng mục nâng cấp legacy. 5. Bộ hướng dẫn triển khai và chuyển giao công nghệ kèm khung đánh giá rủi ro an ninh mạng lớp OT. - Có bộ tài liệu kỹ thuật chuẩn hóa được biên soạn theo dạng mô-đun hóa để doanh nghiệp tự chọn lộ trình. - Có khung đào tạo kỹ sư tích hợp IT-OT chú trọng kỹ năng xử lý dữ liệu cảm biến và an toàn hệ thống điều khiển. 	7000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		Công Thương	hướng tới xây dựng "Bản sao số" (Digital Twin) hoàn chỉnh cho doanh nghiệp.	<p>- Có khả năng mở rộng theo quy mô nhà máy hỗ trợ cả triển khai tại chỗ (On-premise) và đám mây (Cloud).</p> <p>2. Bộ chuẩn giao thức & API tích hợp thống nhất bao gồm hướng dẫn ánh xạ dữ liệu - Data Mapping ngành Công Thương.</p> <p>- Định nghĩa danh mục giao thức chuẩn (OPC-UA, MQTT...) và chuẩn ngữ nghĩa dữ liệu (Semantic Data) để máy móc "hiểu" được nhau.</p> <p>- Có bộ quy tắc mapping dữ liệu liên phòng ban đảm bảo dữ liệu từ kho, sản xuất và bán hàng có thể đối chiếu tức thì.</p> <p>3. Nền tảng tích hợp dữ liệu thời gian thực (prototype) có khả năng kết nối đồng thời hàng vạn điểm dữ liệu (Tag).</p> <p>- Cho phép đồng bộ dữ liệu <5 giây và hỗ trợ các kịch bản phản ứng tự động - Trigger-based Actions khi có biến số.</p> <p>- Có dashboard trực quan theo thời gian thực hỗ trợ tính năng "Drill-down" để soi sâu vào từng cụm máy hoặc mã hàng.</p> <p>4. Báo cáo thử nghiệm 15 doanh nghiệp (đo tốc độ tích hợp) đánh giá mức độ cải thiện tốc độ ra quyết định điều hành sản xuất.</p> <p>- Đo thời gian tích hợp trước-sau đánh giá tỷ lệ dữ liệu "sạch" và sẵn sàng cho phân tích AI.</p> <p>- Phân tích giảm trùng lặp dữ liệu $\geq 30\%$ và giảm chi phí lưu trữ nhờ kiến trúc phân tầng thông minh.</p> <p>5. Khung quản trị dữ liệu và an toàn thông tin bao gồm quy chuẩn về đạo đức dữ liệu và quyền riêng tư trong sản xuất.</p> <p>- Có chính sách phân quyền dữ liệu đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu gốc - Data Integrity.</p> <p>- Có cơ chế bảo mật và sao lưu chuẩn hóa đặc biệt là khả năng phục hồi dữ liệu sau thảm họa (Disaster Recovery).</p>			
18.	Nghiên cứu phân tích và xây dựng	Quyết định số 2780/QĐ-	Phân tích hệ sinh thái tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến sản xuất thông minh và xây dựng khung	01 Báo cáo phân tích và bản đồ tiêu chuẩn quốc tế về sản xuất thông minh (Phân tích tối thiểu 20 tiêu chuẩn quốc tế liên quan IIoT, dữ	3500	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	khung tiêu chuẩn hóa sản xuất minh hải hòa với ISO/IEC cho Việt Nam	BCT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	<p>tiêu chuẩn hóa dữ liệu và kết nối cho nhà máy thông minh tại Việt Nam, bảo đảm khả năng tương thích với các chuẩn ISO/IEC và các kiến trúc công nghiệp 4.0, tạo nền tảng kỹ thuật cho kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và lựa chọn các tiêu chuẩn quốc tế cốt lõi liên quan đến dữ liệu công nghiệp, IIoT và khả năng liên thông hệ thống. - Xây dựng bản đồ tiêu chuẩn (standards landscape) cho hệ sinh thái sản xuất thông minh. - Thiết kế khung, tiêu chuẩn hóa dữ liệu và kết nối hệ thống phù hợp đặc thù doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam. 	<p>liệu sản xuất, interoperability (ISO/IEC/IEEE/OPC/IDS...); Bao gồm các khung kiến trúc quan trọng như RAMI 4.0, Asset Administration Shell (AAS) và các tiêu chuẩn quản lý thiết bị công nghiệp)</p> <p>01 Bản đồ hệ sinh thái tiêu chuẩn sản xuất thông minh cho Việt Nam (Xây dựng Standards Landscape thể hiện mối quan hệ giữa các tiêu chuẩn dữ liệu, kết nối, bảo mật và quản trị; Phân loại theo tối thiểu 4 lớp hệ thống: thiết bị – nền tảng dữ liệu – ứng dụng – quản trị)</p> <p>01 Khung tiêu chuẩn hóa dữ liệu và kết nối cho nhà máy thông minh Việt Nam (Xác định tối thiểu 10 nhóm tiêu chuẩn lõi cho dữ liệu, giao thức truyền thông, tích hợp hệ thống và bảo mật; Đề xuất mô hình tương thích giữa tiêu chuẩn quốc tế và hệ thống legacy thông qua các cơ chế chuẩn hóa tích hợp)</p> <p>01 Mô hình tương thích tiêu chuẩn quốc tế với hệ thống doanh nghiệp Việt Nam (Đề xuất cơ chế Standardized Wrappers / Middleware để kết nối hệ thống cũ với chuẩn mới; Bảo đảm khả năng tích hợp với các hệ thống phổ biến như ERP, MES, SCADA.)</p>			
19.	Nghiên cứu đặc tả, hướng dẫn triển khai và kiểm chứng thực tế khung tiêu chuẩn hóa sản xuất thông minh phù hợp với cảnh Việt Nam	Quyết định số 2780/QĐ-BCT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	<p>Phát triển bộ đặc tả tiêu chuẩn dữ liệu, hướng dẫn triển khai và kiểm chứng thực tế khung tiêu chuẩn hóa sản xuất thông minh trong doanh nghiệp Việt Nam nhằm nâng cao khả năng kết nối dữ liệu với chuỗi cung ứng toàn cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng đặc tả chuẩn dữ liệu cho tích hợp sản xuất và logistics trong chuỗi cung ứng. - Phát triển bộ hướng dẫn triển khai tiêu chuẩn sản xuất thông minh 	<p>01 Bộ đặc tả tiêu chuẩn dữ liệu cho tích hợp chuỗi cung ứng (Xây dựng chuẩn định dạng dữ liệu sản xuất và logistics dùng chung; Hỗ trợ tích hợp dữ liệu với các hệ thống ERP, MES, SCADA)</p> <p>01 Bộ quy tắc ảnh xạ dữ liệu và giao thức trao đổi (Định nghĩa các cơ chế data mapping và semantic data giữa các hệ thống sản xuất; Bảo đảm khả năng trao đổi dữ liệu với đối tác trong chuỗi cung ứng quốc tế)</p> <p>01 Bộ hướng dẫn triển khai tiêu chuẩn sản xuất thông minh (Xây dựng framework triển khai theo 3 cấp độ trưởng thành của doanh nghiệp: Bao gồm checklist áp dụng cho SME giúp đơn giản hóa các yêu cầu kỹ thuật)</p>	5000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			<p>minh cho doanh nghiệp Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm chứng khung tiêu chuẩn thông qua triển khai thí điểm tại các doanh nghiệp xuất khẩu. 	<p>01 Bộ công cụ hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn (Cung cấp tài liệu kỹ thuật và mẫu cấu hình tích hợp hệ thống; Có hướng dẫn áp dụng cho các môi trường nhà máy khác nhau)</p> <p>01 Báo cáo thử nghiệm và đánh giá tại doanh nghiệp (Triển khai thí điểm tại tối thiểu 10 doanh nghiệp xuất khẩu; Đánh giá khả năng cải thiện kết nối dữ liệu và giảm đáng kể hai con số % thời gian tích hợp hệ thống mới)</p>			
20.	<p>Nghiên cứu mô hình và cơ chế công nhận lẫn nhau trong thử nghiệm chứng nhận sản phẩm phục vụ xuất khẩu</p>	<p>Quyết định số 2780/QĐ-BCT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương</p>	<p>Phân tích các mô hình thử nghiệm – chứng nhận quốc tế và cơ chế công nhận lẫn nhau (Mutual Recognition Arrangement – MRA) để đề xuất mô hình hệ thống chứng nhận sản phẩm số cho Việt Nam, tạo nên tăng cho việc công nhận quốc tế các kết quả thử nghiệm trong nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích hệ thống chứng nhận sản phẩm số quốc tế và các tiêu chuẩn liên quan đến an toàn thiết bị số, IoT và AI. - Xây dựng mô hình hệ thống thử nghiệm – chứng nhận sản phẩm số tại Việt Nam phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. - Đề xuất lộ trình hợp tác quốc tế và cơ chế công nhận lẫn nhau cho kết quả chứng nhận của Việt Nam. 	<p>01 Báo cáo phân tích mô hình chứng nhận quốc tế (Phân tích cơ chế chứng nhận của các tổ chức quốc tế như TÜV SÜD, UL, SGS; Phân tích các tiêu chuẩn liên quan đến an toàn thiết bị số và IoT như ETSI EN 303 645 và các tiêu chuẩn an ninh mạng cho thiết bị thông minh)</p> <p>01 Mô hình hệ thống thử nghiệm và chứng nhận sản phẩm số tại Việt Nam (Thiết kế mô hình phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận phù hợp ISO/IEC 17025 và ISO/IEC 17065; Đề xuất mô hình liên minh phòng lab công – tư nhằm tận dụng năng lực của viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp)</p> <p>01 Lộ trình hợp tác công nhận lẫn nhau với các tổ chức quốc tế (Xây dựng lộ trình hợp tác để tiến tới ký kết MRA với ít nhất 2 tổ chức chứng nhận quốc tế; Đề xuất cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương và các tổ chức chứng nhận quốc tế)</p>	4000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
21.	Nghiên cứu xây dựng quy trình thử nghiệm – chứng nhận và kiểm nghiệm chứng nhận và kiểm chứng thực tiễn đối với sản phẩm số xuất khẩu	Quyết định số 2780/QĐ-BCT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Xây dựng bộ quy trình thử nghiệm – chứng nhận sản phẩm số theo tiêu chuẩn quốc tế và kiểm chứng hiệu quả thông qua triển khai thí điểm tại doanh nghiệp Việt Nam nhằm giảm thời gian và chi phí chứng nhận khi xuất khẩu. - Xây dựng bộ quy trình thử nghiệm và chứng nhận sản phẩm số tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế. - Ứng dụng các công cụ kiểm thử tự động để nâng cao hiệu quả đánh giá sản phẩm. - Kiểm chứng hiệu quả quy trình thông qua thử nghiệm chứng nhận cho các sản phẩm số xuất khẩu.	01 Bộ quy trình thử nghiệm và chứng nhận sản phẩm số (Xây dựng quy trình đánh giá và thử nghiệm phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế; Bảo đảm khả năng áp dụng cho các nhóm sản phẩm số như thiết bị IoT, phần mềm công nghiệp và thiết bị thông minh) 01. Bộ công cụ kiểm thử và đánh giá tự động (Tích hợp các công cụ Automated Testing để hỗ trợ kiểm thử an toàn và độ tin cậy của sản phẩm số; Giám đáng kể thời gian thử nghiệm so với phương pháp đánh giá thủ công) 01 Báo cáo thử nghiệm chứng nhận cho sản phẩm số xuất khẩu (Triển khai thử nghiệm chứng nhận cho tối thiểu 20 sản phẩm số xuất khẩu; Bao gồm các nhóm sản phẩm ưu tiên như thiết bị IoT, phần mềm công nghiệp và thiết bị thông minh) 01 Báo cáo đánh giá hiệu quả cơ chế thử nghiệm – chứng nhận (Chứng minh khả năng giảm thời gian công nhận tối thiểu 30% so với quy trình chứng nhận quốc tế thông thường; Chứng minh khả năng giảm chi phí chứng nhận tối thiểu 40% cho doanh nghiệp so với việc thuê tổ chức chứng nhận nước ngoài trực tiếp)	5500	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
22.	Xây dựng kế hoạch đặt hàng tổ chức triển khai các cụm, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển ngành công nghiệp chế biến sau gạo		- Chuyển dịch từ xuất khẩu gạo thô sang chế biến sâu và tận dụng phụ phẩm, nâng tỷ lệ sản phẩm có giá trị gia tăng cao (gạo chức năng, thực phẩm chế biến, sản phẩm từ phụ phẩm). Xây dựng các thương hiệu sản phẩm chế biến từ gạo mang thương hiệu Việt Nam. - Đưa ngành công nghiệp sau gạo trở thành một trụ cột kinh tế, tích hợp công nghệ cao và mô hình kinh tế tuần hoàn, với tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến sâu và phụ phẩm Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên gia (ở các trường, các viện, trong các doanh nghiệp) và chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến sau gạo	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả 1. Báo cáo đánh giá, xác định các sản phẩm, thiết bị, nguyên liệu phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ chế biến sau gạo. 2. Đánh giá trình độ công nghệ, năng lực hấp thụ, mức độ làm chủ công nghệ trong nước đối với các công nghệ sau gạo từ đó xác định Danh mục các công nghệ cần ưu tiên làm chủ. 3. Báo cáo đánh giá, xác định các và công nghệ chính cần nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng sản xuất các sản phẩm, thiết bị, sơ chế nguyên liệu gạo... 4. Kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên cho công nghiệp sau gạo (đảm bảo rõ việc, rõ sản phẩm, rõ người, rõ đơn vị ứng dụng, cụ thể nguồn lực và thời gian thực hiện)	3.000	Tuyển chọn	12
23.	Nghiên cứu đề xuất loại hình cụm công nghiệp (CCN) thông minh và xây dựng bộ tiêu chí, quy trình đánh giá công nhận; quy trình đánh giá thực hiện công nhận;	Quyết định số 1439/QĐ-BCT ngày 26/5/2025 của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết	Xây dựng cơ sở lý luận, thực tiễn để xác lập loại hình CCN thông minh tại Việt Nam; ban hành bộ tiêu chí, quy trình đánh giá công nhận và đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp.	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả 1. Báo cáo tổng hợp nghiên cứu (cơ sở lý luận và thực tiễn) xây dựng CCN thông minh. 2. Bộ tiêu chí đánh giá CCN thông minh. 3. Quy trình đánh giá và công nhận CCN thông minh 4. Hướng dẫn kỹ thuật triển khai. 5. Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật liên quan.	2.500	Tuyển chọn	24

TT	Tên nhiệm vụ	Tham gia chương trình/đề án (nếu có)	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ CCN thông minh tại Việt Nam	số 57-NQ/TW					

**PHỤ LỤC II: DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO DO BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN**

(Kèm theo Quyết định số 3 5 6 /QĐ-BCT ngày 27 tháng 2 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
1.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp tái cấu trúc mạng lưới các cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc ban hành quyết định tái cấu trúc; - Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công; - Xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục tinh gọn, hiện đại, thích ứng cao; - Góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển nguồn nhân lực số theo tinh thần Nghị quyết 57 và 71. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực trạng mạng lưới các cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Công Thương - Báo cáo đề xuất mô hình tái cấu trúc, giải pháp triển khai và lộ trình áp dụng. 	500	Tuyển chọn	12
2.	Nghiên cứu, rà soát quy phạm kỹ thuật khai thác hầm lò than và đập thạch 18-TCN-5-2006	Rà soát quy phạm kỹ thuật khai thác hầm lò than và đập thạch 18-TCN-5-2006 để xây dựng và ban hành QCVN kỹ thuật khai thác hầm lò than và đập thạch phù hợp với thực tiễn công nghệ khai thác, thiết bị, kỹ thuật an toàn trong khai thác than hầm lò hiện nay	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả rà soát quy phạm kỹ thuật khai thác hầm lò than và đập thạch 18-TCN-5-2006. - Báo cáo đánh giá tác động xã hội khi ban hành khi QCVN kỹ thuật khai thác hầm lò than và đập thạch. - QCVN kỹ thuật khai thác hầm lò than và đập thạch được Bộ Công Thương ban hành. 	800	Tuyển chọn	15
3.	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển doanh nghiệp phân phối bán lẻ xanh, bền vững tại Việt Nam.	Đề xuất giải pháp phát triển doanh nghiệp phân phối bán lẻ xanh, bền vững tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng doanh nghiệp phân phối bán lẻ xanh, bền vững tại Việt Nam. - Báo cáo đề xuất bộ tiêu chí phát triển bền vững đối với doanh nghiệp phân phối bán lẻ tại Việt Nam. 	500	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	lê xanh, bền vững tại Việt Nam		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đề xuất giải pháp phát triển doanh nghiệp phân phối bán lẻ xanh, bền vững tại Việt Nam. 			
4.	Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển hạ tầng thương mại biên giới và logistics xanh nhằm nâng cao năng lực thông quan và hiệu quả điều phối của quản lý nhà nước.	Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất mô hình phát triển hạ tầng thương mại biên giới tại các cửa khẩu đất liền Việt Nam theo hướng tích hợp số hóa và logistics xanh, góp phần nâng cao năng lực thông quan và hiệu quả điều phối của quản lý nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng hạ tầng thương mại biên giới tích hợp số hóa và logistics xanh tại Việt Nam - Báo cáo đề xuất bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng thương mại biên giới theo hướng tích hợp số hóa và logistics xanh, phục vụ công tác theo dõi, đánh giá và hoạch định chính sách. - Báo cáo kiến nghị giải pháp và lộ trình triển khai, làm cơ sở tham mưu cho Bộ Công Thương trong xây dựng, điều chỉnh chính sách và chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới giai đoạn sau năm 2026. - Mô hình phát triển hạ tầng thương mại biên giới tích hợp số hóa và logistics xanh, thể hiện rõ cấu phần hạ tầng, vai trò điều phối của quản lý nhà nước và mối liên kết giữa thương mại - logistics - giao thông tại khu vực cửa khẩu. 	1000	Tuyển chọn	12
5.	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp quản lý giao dịch hàng hóa theo thời gian thực và cảnh báo hành vi bất thường tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam	Nhằm phòng ngừa rủi ro, đảm bảo tuân thủ pháp lý và nâng cao tính minh bạch, bảo vệ nhà đầu tư, tăng cường năng lực quản lý và hiện đại hóa Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam trong bối cảnh thị trường ngày càng phát triển và hội nhập quốc tế.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng quản lý giao dịch hàng hóa theo thời gian thực và cảnh báo hành vi bất thường tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam. - Báo cáo đề xuất giải pháp quản lý giao dịch hàng hóa theo thời gian thực và cảnh báo hành vi bất thường tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam 	500	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	vi bất thường tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam					
6.	Nghiên cứu giải pháp quản lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực Công Thương	Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất các giải pháp quản lý và mô hình truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực Công Thương, góp phần nâng cao minh bạch thị trường và hiệu quả quản lý nhà nước.	- Báo cáo hiện trạng về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực Công Thương. - Đề xuất mô hình quản lý và khung giải pháp truy xuất nguồn gốc phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	400	Tuyển chọn	12
7.	Nghiên cứu mô hình truy xuất nguồn gốc phục vụ nhận diện, cảnh báo và hỗ trợ xử lý vi phạm trong công tác quản lý thị trường	Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất mô hình truy xuất nguồn gốc phục vụ nhận diện, cảnh báo và hỗ trợ xử lý vi phạm trong công tác quản lý thị trường đối với sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường trong nước.	- Báo cáo hiện trạng về truy xuất nguồn gốc phục vụ nhận diện, cảnh báo và hỗ trợ xử lý vi phạm trong công tác quản lý thị trường. - Mô hình truy xuất nguồn gốc phục vụ nhận diện, cảnh báo và hỗ trợ xử lý vi phạm trong công tác quản lý thị trường.	400	Tuyển chọn	12
8.	Nghiên cứu, xây dựng Trợ lý ảo hỗ trợ công chức Quản lý thị trường	Mục tiêu chung Xây dựng thành công Trợ lý ảo hỗ trợ công chức Quản lý thị trường trong thi hành công vụ, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính, nhằm nâng cao hiệu quả, tính thống nhất và giảm rủi ro trong quá trình	- Báo cáo thực trạng về kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường. - Mô hình Trợ lý ảo dưới dạng số tay nghiệp vụ số phục vụ thi hành công vụ, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính.	5000	Tuyển chọn	18

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	<p>kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính</p> <p>thực thi pháp luật. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng mô hình Trợ lý ảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường. - Xây dựng hệ thống nội dung số tay nghiệp vụ số, bao gồm quy định pháp luật, quy trình nghiệp vụ, checklist xử lý tình huống và biểu mẫu hành chính. - Thiết kế công cụ hỗ trợ tra cứu, dẫn đường nghiệp vụ theo tình huống, phục vụ cán bộ trong quá trình kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính. - Đề xuất phương án triển khai, vận hành và cập nhật Trợ lý ảo trong thực tiễn công tác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ nội dung số tay nghiệp vụ số, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Quy định pháp luật liên quan; + Quy trình nghiệp vụ cơ bản; + Checklist theo tình huống; + Hệ thống biểu mẫu và hướng dẫn sử dụng; + Đề xuất phương án triển khai thí điểm và nhân rộng trong lực lượng Quản lý thị trường. 	5000	Tuyển chọn	24	
9.	<p>Nghiên cứu giải pháp công nghệ số hỗ trợ lực lượng Quản lý thị trường trong nhận diện sớm, cảnh báo rủi ro và hỗ trợ kết nối xử lý các hành vi giả mạo nhãn hiệu thuộc sở hữu công nghiệp, trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc bảo mật dữ liệu và bí mật kinh doanh của chủ thể quyền.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng về nhận diện sớm, cảnh báo rủi ro và xử lý hành vi giả mạo nhãn hiệu, xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu của lực lượng Quản lý thị trường - Ứng dụng hỗ trợ lực lượng Quản lý thị trường (phiên bản thử nghiệm), cho phép: <ul style="list-style-type: none"> + Chụp ảnh, quét nhãn hiệu, bao bì hàng hóa trong quá trình nắm bắt địa bàn; + Nhận cảnh báo rủi ro giả mạo nhãn hiệu theo các mức độ (thấp, trung bình, cao); 	5000	Tuyển chọn	24	

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	nhãn hiệu, xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu		<ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp thông tin liên hệ chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc đại diện chủ thể quyền trong trường hợp đã đăng ký tham gia hệ thống. - Bộ tiêu chí, dữ liệu và nguyên tắc vận hành ứng dụng, bao gồm nguyên tắc bảo mật dữ liệu và bảo vệ bí mật kinh doanh 			
10.	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thông tin và hỏi đáp về thị trường, chính sách xuất nhập khẩu ngành lúa gạo	Xây dựng thành công hệ thống thông tin và hỏi đáp về thị trường, chính sách xuất nhập khẩu ngành lúa gạo.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực trạng thông tin ngành hàng và cơ chế phối hợp, gồm thông tin và phân tích về: <ul style="list-style-type: none"> + Nhu cầu và thực trạng thông tin thị trường của Hiệp hội và doanh nghiệp; + Khả năng và thực trạng trao đổi thông tin thị trường từ các cơ quan quản lý nhà nước; + Danh mục dữ liệu thiết yếu phục vụ xuất khẩu gạo; + Danh mục thông tin liên lạc của Thương vụ, cơ quan quản lý, hiệp hội, doanh nghiệp, chuyên gia và các bên liên quan; + Danh mục thông tin hỏi đáp về thị trường, nhu cầu, chính sách, sản lượng, v.v. phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo. - Hệ thống dữ liệu và hỏi đáp được thử nghiệm (03-06 tháng). - Báo cáo đề xuất, phương án phát triển và sử dụng hệ thống. 	1000	Tuyển chọn	18
11.	Nghiên cứu xây dựng quy	Nghiên cứu khung lý luận, thực tiễn về quy chế tổ chức thực hiện kiểm tra	- Báo cáo hiện trạng tổ chức thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại Bộ Công Thương.	900	Tuyển chọn	10

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	<p>ché tổ chức thực hiện kiểm tra chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>	<p>chuyên ngành và đề xuất xây dựng dự thảo quy chế tổ chức thực hiện kiểm tra chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>	<p>- Báo cáo đề xuất quan điểm, định hướng về quy chế tổ chức thực hiện kiểm tra chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>			
12.	<p>Nghiên cứu các công nghệ thu giữ, sử dụng và lưu trữ các-bon (CCS/CCUS) liên quan đến lĩnh vực dầu khí</p>	<p>Đánh giá một cách toàn diện các công nghệ CCS/CCUS và khả năng áp dụng trong lĩnh vực dầu khí tại Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, định hướng đầu tư và triển khai các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính của ngành dầu khí.</p>	<p>- Báo cáo tổng quan về các công nghệ CCS/CCUS trên thế giới và xu hướng phát triển. - Báo cáo đánh giá tiềm năng áp dụng CCS/CCUS trong lĩnh vực dầu khí tại Việt Nam. - Báo cáo phân tích tiềm năng lưu trữ và sử dụng CO₂ gắn với các mỏ dầu khí. - Báo cáo đề xuất định hướng, lộ trình triển khai và khuyến nghị chính sách về CCS/CCUS cho ngành dầu khí Việt Nam.</p>	1000	Tuyển chọn	12
13.	<p>Nghiên cứu, đánh giá về tổng thể nhu cầu năng lượng và xác định quy mô dự trữ</p>	<p>- Đánh giá tổng thể về thực trạng hệ thống dự trữ năng lượng của Việt Nam. - Đề xuất dự thảo Chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia đảm bảo tính thực tiễn, phù hợp với định hướng phát triển quốc gia</p>	<p>- Báo cáo thực trạng hệ thống dự trữ năng lượng của Việt Nam. - Báo cáo đánh giá tổng thể nhu cầu năng lượng và xác định quy mô dự trữ tối ưu đối với từng loại mặt hàng dự trữ năng lượng quốc gia. - Dự thảo Chiến lược dự trữ năng lượng quốc</p>	900	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	tối ưu đối với các mặt hàng dự trữ năng lượng quốc gia		gia			
14.	Nghiên cứu về các công nghệ sản xuất nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) và tiềm năng thị trường tại Việt Nam và khu vực lân cận	Đánh giá một cách toàn diện các công nghệ sản xuất nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), tiềm năng nguồn nguyên liệu và triển vọng thị trường SAF tại Việt Nam và khu vực lân cận, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, định hướng phát triển và thu hút đầu tư vào lĩnh vực SAF.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng quan về các công nghệ sản xuất SAF trên thế giới và xu hướng phát triển. - Báo cáo đánh giá tiềm năng công nghệ, nguồn nguyên liệu và khả năng triển khai sản xuất SAF tại Việt Nam. - Báo cáo phân tích thị trường SAF tại Việt Nam và khu vực lân cận, kèm theo dự báo nhu cầu trong trung và dài hạn. - Báo cáo đề xuất định hướng phát triển và khuyến nghị chính sách đối với SAF tại Việt Nam 	1000	Tuyển chọn	12
15.	Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các quy định về phát triển thị trường năng lượng đối với phân ngành than, dầu khí	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tổng thể về thực trạng về thị trường và các quy định hiện hành về phát triển thị trường than, thị trường khí tại Việt Nam. - Đề xuất các giải pháp, công cụ quản lý hoặc sửa đổi, bổ sung quy định về phát triển thị trường than, khí (nếu cần thiết) nhằm phát triển thị trường than, khí đồng bộ, thống nhất, liên thông với thị trường điện, kết nối với khu vực và thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá thực trạng thị trường than, khí tại Việt Nam. - Báo cáo đánh giá thực trạng về quy định liên quan đến thị trường than, khí tại Việt Nam. - Báo cáo đánh giá thực trạng, kinh nghiệm và xu thế phát triển thị trường than, khí trong khu vực và thế giới. - Báo cáo về dự báo nhu cầu than, khí trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các phương án đảm bảo nhiên liệu than, khí cho sản xuất điện. - Báo cáo về đề xuất các giải pháp, công cụ 	700	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			quản lý hoặc sửa đổi, bổ sung quy định về phát triển thị trường năng lượng đối với lĩnh vực than, khí (nếu cần thiết) nhằm phát triển thị trường than, khí đồng bộ, thống nhất, liên thông với thị trường điện, kết nối với khu vực và thế giới.			
16.	Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh và tác động tích cực của các hoạt động tập trung kinh tế, làm căn cứ hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong việc phân tích, thẩm định và ra quyết định theo quy định pháp luật về cạnh tranh	Xây dựng bộ tiêu chí, bộ chỉ số và bộ hướng dẫn phương pháp đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh và tác động tích cực của các hoạt động tập trung kinh tế, làm căn cứ hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong việc phân tích, thẩm định và ra quyết định theo quy định pháp luật về cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng trong việc phân tích, thẩm định và ra quyết định theo quy định pháp luật về cạnh tranh của cơ quan quản lý nhà nước. - Báo cáo đề xuất bộ tiêu chí đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh và tác động tích cực của tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật về cạnh tranh. - Báo cáo kết quả ứng dụng thử nghiệm bộ tiêu chí và số tay về Bộ tiêu chí đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh và tác động tích cực của tập trung kinh tế (bao gồm hướng dẫn và lưu ý trong sử dụng Bộ tiêu chí về phạm vi áp dụng, các hạn chế và cách thức để khắc phục các hạn chế này). 	800	Tuyển chọn	12
17.	Nghiên cứu trợ cấp xuyên quốc gia trong các vụ việc điều tra chống điều tra chống trợ cấp và biện pháp ứng phó	Phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn liên quan đến trợ cấp xuyên quốc gia trong các vụ việc điều tra chống trợ cấp, qua đó đề xuất định hướng và giải pháp ứng phó hiệu quả cho doanh nghiệp Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng liên quan đến trợ cấp xuyên quốc gia trong các vụ việc điều tra chống trợ cấp và biện pháp ứng phó tại Việt Nam. - Báo cáo đề xuất định hướng và giải pháp ứng phó hiệu quả cho doanh nghiệp Việt Nam. 	800	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	cho Việt Nam					
18.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa sang Hàn Quốc thông qua kênh thương mại điện tử	<p>Tìm hiểu khung khổ chính sách pháp luật và thực tiễn về xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Hàn Quốc thông qua kênh thương mại điện tử.</p>	<p>- Báo cáo hiện trạng xuất khẩu hàng hóa sang Hàn Quốc thông qua kênh thương mại điện tử tại Việt Nam</p> <p>- Báo cáo đề xuất giải pháp thúc đẩy khâu hàng hóa sang Hàn Quốc thông qua kênh thương mại điện tử.</p>	650	Tuyển chọn	12
19.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia “Quặng tinh bauxit – Yêu cầu kỹ thuật”	<p>- Xây dựng được cơ sở khoa học và thực tiễn đáp ứng điều kiện xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) Quặng tinh bauxit – Yêu cầu kỹ thuật;</p> <p>- Xây dựng được bộ hồ sơ TCVN Quặng tinh bauxit – Yêu cầu kỹ thuật</p>	<p>- 01 Bộ hồ sơ đủ điều kiện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/thẩm tra/thẩm định đối với TCVN Quặng tinh bauxit – Yêu cầu kỹ thuật;</p> <p>- 01 Báo cáo cơ sở khoa học và thực tiễn đáp ứng điều kiện xây dựng TCVN Quặng tinh bauxit – Yêu cầu kỹ thuật.</p>	2000	Tuyển chọn	12
20.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng tiêu chuẩn quốc gia “Đường, hào vận tải bằng ô tô trong công trình khai thác mỏ và nhà máy”	<p>- Xây dựng được cơ sở khoa học và thực tiễn đáp ứng điều kiện xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) Đường, hào vận tải bằng ô tô trong công trình khai thác mỏ và nhà máy chế biến khoáng sản – Yêu cầu thiết kế.</p> <p>- Xây dựng dự thảo TCVN Yêu cầu kỹ thuật thiết kế đường ô tô trong mỏ</p>	<p>- 01 Báo cáo cơ sở khoa học và thực tiễn đáp ứng điều kiện xây dựng TCVN Đường, hào vận tải bằng ô tô trong công trình khai thác mỏ và nhà máy chế biến khoáng sản – Yêu cầu thiết kế.</p> <p>- 01 Bộ hồ sơ dự thảo TCVN Đường, hào vận tải bằng ô tô trong công trình khai thác mỏ và nhà máy chế biến khoáng sản – Yêu cầu thiết kế;</p> <p>- 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong</p>	5500	Tuyển chọn	20

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	ché biến khoáng sản – Yêu cầu thiết kế		nước.			
21.	Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí kỹ thuật, quy trình chứng nhận quá trình sản xuất sản phẩm dệt may xanh, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may xanh, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may xanh, sản phẩm dệt may xanh, sản phẩm dệt may xanh	Góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh ngành Dệt may Việt Nam theo hướng bền vững Mục tiêu cụ thể: Xây dựng các tiêu chí kỹ thuật, quy trình chứng nhận quá trình sản xuất sản phẩm dệt may xanh, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may xanh, sản phẩm dệt may xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp các hệ thống chứng nhận quá trình sản xuất sản phẩm dệt may xanh, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may xanh, sản phẩm dệt may xanh. - Xây dựng tiêu chí kỹ thuật của quá trình sản xuất sản phẩm dệt may xanh. - Xây dựng tiêu chí kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may xanh. - Xây dựng tiêu chí kỹ thuật của sản phẩm dệt may xanh. - 01 Quy trình chứng nhận quá trình sản xuất sản phẩm dệt may xanh. - 01 Quy trình chứng nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may xanh. - 01 Quy trình chứng nhận sản phẩm dệt may xanh. - 01 Báo cáo đánh giá thực trạng chứng nhận quá trình sản xuất sản phẩm dệt may xanh, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may xanh, sản phẩm dệt may xanh. - Áp dụng quy trình chứng nhận quá trình sản xuất sản phẩm dệt may xanh, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may xanh, sản phẩm dệt may 	3000	Tuyển chọn	24

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
22.	Nghiên cứu, rà soát và đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đề xuất Danh mục và lộ trình xây dựng TCVN, QCVN đối với lĩnh vực Dầu khí và Than	Xây dựng được Danh mục TCVN, QCVN lĩnh vực Dầu khí và Than cần soát xét, xây dựng mới và lộ trình thực hiện cụ thể đến năm 2030 và những năm tiếp theo	<p> xanh tại Doanh nghiệp dệt may.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực dầu khí và than; - Báo cáo đề xuất Danh mục TCVN, QCVN cần soát xét hoặc xây dựng mới trong lĩnh vực dầu khí và than; - Báo cáo đề xuất lộ trình và phương án thực hiện việc soát xét, xây dựng các TCVN, QCVN lĩnh vực dầu khí và than. 	3000	Tuyển chọn	12
23.	Nghiên cứu, rà soát và đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đề xuất Danh mục và lộ trình xây dựng TCVN, QCVN đối với lĩnh vực an toàn công nghiệp và môi trường công	Xây dựng được Danh mục TCVN, QCVN lĩnh vực an toàn công nghiệp và môi trường công nghiệp cần soát xét, xây dựng mới và lộ trình thực hiện cụ thể đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực an toàn công nghiệp và môi trường công nghiệp; - Báo cáo đề xuất Danh mục TCVN, QCVN cần soát xét hoặc xây dựng mới trong lĩnh vực an toàn công nghiệp và môi trường công nghiệp; - Báo cáo đề xuất lộ trình và phương án thực hiện việc soát xét, xây dựng các TCVN, QCVN lĩnh vực an toàn công nghiệp và môi trường công nghiệp. 	3000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	nghịệp					
24.	Nghiên cứu, rà soát và đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đề xuất Danh mục và lộ trình xây dựng TCVN, QCVN đối với lĩnh vực điện lực	Xây dựng được Danh mục TCVN, QCVN lĩnh vực điện lực cần soát xét, xây dựng mới và lộ trình thực hiện cụ thể đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực điện lực; - Báo cáo đề xuất Danh mục TCVN, QCVN cần soát xét hoặc xây dựng mới trong lĩnh vực điện lực; - Báo cáo đề xuất lộ trình và phương án thực hiện việc soát xét, xây dựng các TCVN, QCVN lĩnh vực điện lực. 	3000	Tuyển chọn	12
25.	Nghiên cứu, rà soát và đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đề xuất Danh mục và lộ trình xây dựng TCVN, QCVN đối với lĩnh vực hóa chất.	Xây dựng được Danh mục TCVN, QCVN lĩnh vực hóa chất cần soát xét, xây dựng mới và lộ trình thực hiện cụ thể đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực hóa chất; - Báo cáo đề xuất Danh mục TCVN, QCVN cần soát xét hoặc xây dựng mới trong lĩnh vực hóa chất; - Báo cáo đề xuất lộ trình và phương án thực hiện việc soát xét, xây dựng các TCVN, QCVN lĩnh vực hóa chất 	3000	Tuyển chọn	12
26.	Nghiên cứu, rà soát và đánh giá	Xây dựng được Danh mục TCVN, QCVN lĩnh vực thực phẩm cần soát xét,	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực thực phẩm;	2000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đề xuất Danh mục và lộ trình xây dựng TCVN, QCVN đối với lĩnh vực công nghiệp thực phẩm.	xây dựng mới và lộ trình thực hiện cụ thể đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đề xuất Danh mục TCVN, QCVN cần soát xét hoặc xây dựng mới trong lĩnh vực thực phẩm; - Báo cáo đề xuất lộ trình và phương án thực hiện việc soát xét, xây dựng các TCVN, QCVN lĩnh vực thực phẩm 			
27.	Nghiên cứu, rà soát và đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đề xuất Danh mục và lộ trình xây dựng TCVN, QCVN đối với lĩnh vực dệt may, da giày.	Xây dựng được Danh mục TCVN, QCVN lĩnh vực dệt may, da giày cần soát xét, xây dựng mới và lộ trình thực hiện cụ thể đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực dệt may, da giày; - Báo cáo đề xuất Danh mục TCVN, QCVN cần soát xét hoặc xây dựng mới trong lĩnh vực dệt may, da giày; - Báo cáo đề xuất lộ trình và phương án thực hiện việc soát xét, xây dựng các TCVN, QCVN lĩnh vực dệt may, da giày 	2000	Tuyển chọn	12
28.	Nghiên cứu, rà soát và đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy	Xây dựng được Danh mục TCVN, QCVN lĩnh vực cơ khí, chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ cần soát xét, xây dựng mới và lộ trình thực hiện cụ thể đến năm	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực cơ khí, chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ; - Báo cáo đề xuất Danh mục TCVN, QCVN 	2000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	chuẩn kỹ thuật để đề xuất Danh mục và lộ trình xây dựng TCVN, QCVN đối với lĩnh vực cơ khí, chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ.	2030 và những năm tiếp theo.	cần soát xét hoặc xây dựng mới trong lĩnh vực cơ khí, chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ; - Báo cáo đề xuất lộ trình và phương án thực hiện việc soát xét, xây dựng các TCVN, QCVN lĩnh vực cơ khí, chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ			
29.	Nghiên cứu, rà soát và đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đề xuất Danh mục và lộ trình xây dựng TCVN, QCVN đối với lĩnh vực luyện kim.	Xây dựng được Danh mục TCVN, QCVN lĩnh vực luyện kim cần soát xét, xây dựng mới và lộ trình thực hiện cụ thể đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	- Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực luyện kim; - Báo cáo đề xuất Danh mục TCVN, QCVN cần soát xét hoặc xây dựng mới trong lĩnh vực luyện kim; - Báo cáo đề xuất lộ trình và phương án thực hiện việc soát xét, xây dựng các TCVN, QCVN lĩnh vực luyện kim	2000	Tuyển chọn	12
30.	Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ tài sản công nghiệp và bản đồ tài sản công hữu	Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ tài sản công hữu công nghiệp của các ngành, lĩnh vực thuộc Bộ Công Thương; xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ tài sản công nghiệp và địa phương; công tác quản lý nhà nước, phân tích xu hướng công nghệ và hỗ trợ hoạch định	- Cơ sở dữ liệu tài sản công nghiệp của các ngành, lĩnh vực thuộc Bộ Công Thương; - Bản đồ tài sản công nghiệp theo ngành, doanh nghiệp và địa phương; - Bộ công cụ thống kê và phân tích dữ liệu sở	1500	Tuyển chọn	18

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	nhiệm vụ của các ngành, lĩnh vực thuộc Bộ Công Thương phục vụ hoạch định chính sách phát triển công nghiệp	chính sách phát triển công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước và hoạch định chính sách; - Báo cáo phân tích thực trạng và xu hướng tài sản sở hữu công nghiệp của các ngành công nghiệp; - Báo cáo đề xuất giải pháp chính sách nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp. 			
31.	Nghiên cứu, xây dựng phương pháp định giá tài sản sở hữu công nghiệp và mô hình giao dịch quyền SHTT trong doanh nghiệp ngành Công Thương	Xây dựng phương pháp định giá tài sản sở hữu công nghiệp và mô hình giao dịch quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với doanh nghiệp ngành Công Thương nhằm thúc đẩy khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phương pháp định giá tài sản sở hữu công nghiệp phù hợp với doanh nghiệp ngành Công Thương. - Mô hình giao dịch quyền sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp ngành Công Thương. - Báo cáo đánh giá thực trạng định giá và giao dịch tài sản sở hữu công nghiệp trong các ngành công nghiệp và thương mại. - Báo cáo đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy khai thác và thương mại hóa tài sản sở hữu trí tuệ. - Tài liệu hướng dẫn áp dụng phương pháp định giá và giao dịch tài sản sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp ngành Công Thương. 	1000	Tuyển chọn	12
32.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống tích hợp dữ liệu đo lường tích hợp	Nghiên cứu xây dựng hệ thống tích hợp dữ liệu đo lường điện tử trong sản xuất và lưu thông hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường và hỗ trợ công tác giám sát thị trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình hệ thống tích hợp dữ liệu đo lường điện tử trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. - Bộ giải pháp công nghệ tích hợp dữ liệu đo lường điện tử phục vụ quản lý đo lường và 	1000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	trong sản xuất và lưu thông hàng hóa		<p>giám sát thị trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá thực trạng ứng dụng thiết bị đo lường điện tử trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. - Báo cáo đề xuất giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đo lường và giám sát thị trường. - Tài liệu hướng dẫn triển khai hệ thống tích hợp dữ liệu đo lường điện tử. 			
33.	Nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Xây dựng chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo xây dựng Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045. - Dự thảo Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 	1800	Tuyển chọn	9
34.	Nghiên cứu xây dựng cơ chế bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu	Tạo cơ sở pháp lý và cơ chế hoạt động thống nhất cho công tác bình ổn thị trường. Thiết lập các công cụ để điều tiết thị trường phục vụ quản lý nhà nước hàm bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, đặc biệt trong bối cảnh thị trường trong nước tiềm ẩn nhiều nguy cơ	Báo cáo đánh giá thực trạng và đề xuất cơ chế thống nhất để thực hiện chương trình bình ổn thị trường	1000	Tuyển chọn	24

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		<p>bất ổn trước những tác động từ thị trường thế giới đang ngày càng diễn biến phức tạp, rủi ro địa chính trị tăng cao, nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng nhất là với các mặt hàng thiết yếu.</p>				
35.	<p>Xây dựng hệ thống dữ liệu về cung cầu một số mặt hàng thiết yếu phục vụ quản lý thị trường trong nước</p>	<p>Xây dựng hệ thống dữ liệu về cung cầu một số mặt hàng thiết yếu phục vụ công tác theo dõi, phân tích, dự báo và điều hành thị trường trong nước; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, ổn định thị trường và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trong các tình huống bình thường cũng như khi xảy ra biến động bất thường.</p>	<p>- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu về thực trạng hệ thống thu thập, tổng hợp và khai thác thông tin dữ liệu cung cầu đối với một số mặt hàng thiết yếu phục vụ công tác quản lý, theo dõi và điều hành thị trường trong nước; đánh giá những hạn chế, bất cập trong việc chia sẻ và sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước.</p> <p>- Báo cáo đề xuất danh mục một số nhóm mặt hàng thiết yếu cần theo dõi, giám sát thường xuyên về cung cầu, trong đó tập trung vào một số nhóm hàng tiêu biểu như lương thực, sữa, giấy, thép, xi măng, làm cơ sở phục vụ công tác theo dõi, phân tích và điều hành thị trường trong nước.</p> <p>- Bộ chỉ tiêu theo dõi và khung dữ liệu cung cầu đối với các mặt hàng thiết yếu, bao gồm các chỉ tiêu về sản xuất, lưu thông, tồn kho, phân phối và tiêu dùng; đồng thời đề xuất phương thức thu thập, cập nhật và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở trung</p>	1000	Tuyển chọn	24

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			<p>ương và địa phương.</p> <p>- Mô hình hệ thống dữ liệu cung cầu hàng hóa thiết yếu phục vụ quản lý thị trường trong nước, trong đó xác định cấu trúc hệ thống dữ liệu, quy trình thu thập, cập nhật, tổng hợp, khai thác dữ liệu, phục vụ công tác theo dõi, phân tích và cảnh báo sớm các biến động của thị trường.</p> <p>- Báo cáo kiến nghị cơ chế, chính sách và giải pháp tổ chức thực hiện, kèm theo lộ trình xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu cung cầu hàng hóa thiết yếu, bao gồm các giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; làm cơ sở cho việc xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống dữ liệu được cập nhật định kỳ, phục vụ công tác theo dõi, phân tích và điều hành thị trường trong nước.</p>			
36.	Xây dựng kế hoạch đặt hàng tổ chức triển khai các cụm, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát	- Chuyển dịch từ xuất khẩu gạo thô sang chế biến sâu và tận dụng phụ phẩm, nâng tỷ lệ sản phẩm có giá trị gia tăng cao (gạo chức năng, thực phẩm chế biến, sản phẩm từ phụ phẩm). Xây dựng các thương hiệu sản phẩm chế biến từ gạo mang thương hiệu Việt Nam. - Đưa ngành công nghiệp sau gạo trở thành một trụ cột kinh tế, tích hợp công	<p>1. Báo cáo đánh giá, xác định các sản phẩm, thiết bị, nguyên liệu phục vụ phát triển công nghiệp công nghiệp chế biến sau gạo.</p> <p>2. Đánh giá trình độ công nghệ, năng lực hấp thụ, mức độ làm chủ công nghệ trong nước đối với các công nghệ sau gạo từ đó xác định Danh mục các công nghệ cần ưu tiên làm chủ.</p> <p>3. Báo cáo đánh giá, xác định các và công nghệ chính cần nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng sản</p>	3.000	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	ngành công nghệ chế biến sau gạo	nghe cao và mô hình kinh tế tuần hoàn, với tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến sâu và phụ phẩm Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên gia (ở các trường, các viện, trong các doanh nghiệp) và chuyên đổi số trong lĩnh vực công nghệ chế biến sau gạo	xuất các sản phẩm, thiết bị, sơ chế nguyên liệu gạo... 4. Kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên cho công nghiệp sau gạo (đảm bảo rõ việc, rõ sản phẩm, rõ người, rõ đơn vị ứng dụng, cụ thể nguồn lực và thời gian thực hiện)			
37.	Xây dựng kế hoạch đặt hàng tổ chức triển khai các cụm, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghiệp sản xuất Protein thay thế	Mục tiêu chung: Đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất protein thay thế hàng đầu Đông Nam Á, phát triển ngành công nghiệp giá trị cao, thân thiện môi trường và tự chủ nguyên liệu. Mục tiêu cụ thể: - Làm chủ công nghệ sản xuất ít nhất 05 dòng protein thay thế (thực vật, vi sinh, côn trùng, tế bào, phụ phẩm công nghiệp thực phẩm).	- Báo cáo đánh giá tiềm năng và phát triển sản phẩm mẫu từ các nguồn protein thay thế tại Việt Nam. - Đề xuất mô hình trung tâm R&D và dây chuyền pilot phát triển công nghệ protein thay thế tại Việt Nam. - Đề xuất hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia cho sản phẩm protein thay thế của Việt Nam. - Lộ trình phát triển ngành công nghiệp protein thay thế của Việt Nam đến năm 2030 và định hướng xây dựng cụm công nghiệp protein - Báo cáo đánh giá trình độ công nghệ và xác định danh mục công nghệ protein thay thế cần ưu tiên làm chủ tại Việt Nam. - Đề xuất chương trình khoa học công nghệ quốc gia phát triển protein thay thế.	4.500	Tuyển chọn	12
38.	Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Mục tiêu chung - Nghiên cứu, xây dựng các quy định kỹ thuật về đảm bảo khoảng cách an toàn	Đề xuất dự thảo QCKT Quốc gia về khoảng cách an toàn trong hoạt động sản xuất, lưu trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp	1500	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	<p>về an toàn trong sản xuất, lưu trữ, sử dụng và vận chuyển hóa chất nguy hiểm</p>	<p>trong hoạt động sản xuất, lưu trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp tại Việt Nam. Mục tiêu cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, xây dựng các quy định kỹ thuật về đảm bảo khoảng cách an toàn trong hoạt động sản xuất, lưu trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp tại Việt Nam. - Đề xuất dự thảo QCKT Quốc gia về khoảng cách an toàn trong hoạt động sản xuất, lưu trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp tại Việt Nam. - Tạo hành lang pháp lý thúc đẩy hình thành các khu công nghiệp hóa chất tập trung, hướng tới nâng cao hiệu quả của công tác kiểm soát an toàn và phát triển bền vững ngành công nghiệp hóa chất. 	<p>tại Việt Nam.</p>			
39.	<p>Khảo sát, đánh giá thực trạng công nghệ sản xuất, nhu cầu và năng lực cung ứng, tiềm năng ứng dụng một số hóa chất tinh khiết cao 99.999%</p>	<p>Mục tiêu chung: Đánh giá thực trạng công nghệ sản xuất nhu cầu và năng lực cung ứng, tiềm năng ứng dụng hóa chất tinh khiết cao 99.999% (Nitơ, Argon, Heli, Hydro, HCl, H₂SO₄...), vật liệu mới (vật liệu sinh học...) trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao tại Việt Nam.</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p>	<p>- Báo cáo thực trạng công nghệ sản xuất hóa chất tinh khiết cao 99.999% (Nitơ, Argon, Heli, Hydro, HCl, H₂SO₄...), vật liệu mới (vật liệu nano, composite cường độ cao, vật liệu sinh học...) tại Việt Nam.</p> <p>- Báo cáo đánh giá nhu cầu sử dụng, quy mô sản xuất, thực trạng nhập khẩu hóa chất tinh khiết cao 99.999% (Nitơ, Argon, Heli, Hydro, HCl, H₂SO₄...), vật liệu mới (vật liệu nano,</p>	500	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
	<p>(Nito, Argon, Heli, Hydro, HCl, H2SO4...), vật liệu mới (vật liệu nano, composite cường độ cao, vật liệu sinh học...) trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới (vật liệu nano, composite cường độ cao, vật liệu sinh học...) trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao tại Việt Nam.</p> <p>+ Đánh giá thực trạng công nghệ sản xuất hóa chất tinh khiết cao 99.999% (Nito, Argon, Heli, Hydro, HCl, H2SO4...), vật liệu mới (vật liệu nano, composite cường độ cao, vật liệu sinh học...) trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao tại Việt Nam.</p> <p>+ Đánh giá nhu cầu và năng lực cung ứng, tiềm năng ứng dụng hóa chất tinh khiết cao 99.999% (Nito, Argon, Heli, Hydro, HCl, H2SO4...) trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao tại Việt Nam (Công nghệ bán dẫn, điện tử, y tế, năng lượng tái tạo và kiểm soát chất lượng thực phẩm).</p> <p>+ Xây dựng được danh mục hóa chất tinh khiết, vật liệu mới trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao tại Việt Nam (Công nghệ bán dẫn, điện tử, y tế, năng lượng tái tạo và kiểm soát chất lượng thực phẩm).</p> <p>+ Đánh giá tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất tinh khiết cao 99.999% (Nito, Argon, Heli, Hydro, HCl, H2SO4...), vật liệu mới (vật liệu nano, composite cường</p>	<p>composite cường độ cao, vật liệu sinh học...) tại Việt Nam.</p> <p>- Xây dựng Danh mục hóa chất tinh khiết và vật liệu mới trong một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao tại Việt Nam (Công nghệ bán dẫn, điện tử, y tế, năng lượng tái tạo và kiểm soát chất lượng thực phẩm) cần ưu tiên đầu tư, nghiên cứu hoặc nội địa hóa trong vòng 5 năm tới.</p> <p>- Báo cáo đánh giá tồn tại, khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất tinh khiết, vật liệu mới tại Việt Nam.</p>				

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
40.	Rà soát, nghiên cứu đề xuất lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực hóa chất; đánh giá thực trạng áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hóa chất tại Việt Nam; khảo sát, đánh giá năng lực của các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận về hóa chất tại Việt Nam.	độ cao, vật liệu sinh học...) tại Việt Nam. - Rà soát hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực hóa chất; đánh giá thực trạng áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hóa chất tại Việt Nam; khảo sát, đánh giá năng lực của các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận về hóa chất tại Việt Nam. - Nghiên cứu, đề xuất lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực hóa chất đến năm 2030 và các năm tiếp theo phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	- Báo cáo tổng quan về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực hóa chất. - Báo cáo thực trạng áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hóa chất tại Việt Nam. - Báo cáo đánh giá về năng lực của các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận về hóa chất tại Việt Nam. - Báo cáo đề xuất lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực hóa chất đến năm 2030 và những năm tiếp theo phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Báo cáo tổng hợp.	800	Tuyển chọn	12
41.	Xây dựng các danh mục Hóa được	Mục tiêu chung: Nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất bộ danh mục hoạt chất và tá dược hóa được cụ thể để định hướng sản xuất, thu hút đầu tư tại Việt Nam. Mục tiêu cụ thể: Hoàn thiện 03 danh mục trọng điểm bao gồm: - Danh mục các hoạt chất, tá dược cụ thể, có tiềm năng phát triển, cạnh tranh cần ưu tiên nghiên cứu và triển khai và thu hút đầu tư sản xuất dùng để sản xuất thuốc,	Báo cáo thuyết minh tổng hợp và 03 Phụ lục Danh mục chi tiết	800	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
		<p>thực phẩm chức năng và mỹ phẩm ở trong nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các hoạt chất, tá dược thiết yếu dùng cho phòng bệnh, chữa bệnh để đảm bảo an ninh thuốc quốc gia. - Danh mục hoạt chất, tá dược mới được sản xuất bằng công nghệ hiện đại. 				
42.	<p>Xây dựng chiến lược phát triển và mô hình quản trị Khu công nghiệp xanh - Kinh tế tuần hoàn - Phát thải thấp theo chuẩn mục quản trị ESG.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và đánh giá hiện trạng các Khu công nghiệp tại Việt Nam. - Xác định lộ trình và phương pháp áp dụng hệ thống quản trị theo khung quản trị ESG phù hợp với Doanh nghiệp đầu tư Khu công nghiệp/Ban quản lý Khu công nghiệp theo định hướng chiến lược Khu công nghiệp xanh - Kinh tế tuần hoàn - Phát thải thấp. - Phối hợp với Doanh nghiệp đầu tư Khu công nghiệp/Ban quản lý Khu công nghiệp có năng lực và có khả năng để áp dụng hệ thống quản trị theo khung quản trị ESG và thúc đẩy nhà đầu tư trong Khu công nghiệp tuân thủ theo định hướng chiến lược Khu công nghiệp xanh - Kinh tế tuần hoàn - Phát thải thấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng quan và đánh giá hiện trạng các khu công nghiệp tại Việt Nam, bao gồm phân tích hiện trạng phát triển, mô hình quản lý, mức độ áp dụng các giải pháp phát triển bền vững, cũng như xu hướng chuyển đổi sang mô hình Khu công nghiệp xanh - Kinh tế tuần hoàn - Phát thải thấp. - Báo cáo đánh giá khả năng áp dụng hệ thống quản trị ESG cho khu công nghiệp tại Việt Nam, trong đó phân tích các thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai; đồng thời đề xuất lộ trình và phương pháp áp dụng mô hình ESG cho Doanh nghiệp đầu tư Khu công nghiệp/ Ban quản lý khu công nghiệp. - Tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về ESG cho Ban lãnh đạo và các cấp quản lý của Doanh nghiệp đầu tư Khu công nghiệp/ Ban quản lý khu công nghiệp nhằm tăng cường hiểu biết và định hướng chiến lược trong việc triển khai mô hình quản trị bền vững. 	2350	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đào tạo chuyên sâu về các yêu cầu và phương pháp triển khai ESG cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung, nhằm hỗ trợ xây dựng và vận hành hệ thống quản trị ESG tại Doanh nghiệp đầu tư Khu công nghiệp/ Ban quản lý khu công nghiệp. - Hỗ trợ kỹ thuật cho việc xây dựng mô hình hệ thống quản trị ESG cho một Doanh nghiệp đầu tư Khu công nghiệp/ Ban quản lý khu công nghiệp theo định hướng phát triển Khu công nghiệp xanh – Kinh tế tuần hoàn – Phát thải thấp, nhằm kiểm chứng tính khả thi của mô hình trong điều kiện thực tế. - Xây dựng và công bố báo cáo kết quả đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ số theo chuẩn ESG của doanh nghiệp/Ban quản lý khu công nghiệp trong năm 2026. - Xây dựng bộ giải pháp quản lý và kỹ thuật, lộ trình hỗ trợ các Doanh nghiệp trong Khu công nghiệp theo định hướng Khu công nghiệp xanh – Kinh tế tuần hoàn – Phát thải thấp, bao gồm các giải pháp về quản lý năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giám phát thải và quản trị bền vững. - Thực hiện hoạt động tuyên truyền và phổ biến lộ trình cùng bộ giải pháp kỹ thuật cho các Doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp và các Ban quản lý khu công nghiệp 			

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
43.	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tài liệu, cơ sở hạ tầng công nghệ để triển khai thực hiện đào tạo nhằm nâng cao nhận thức cho người lao động và sinh viên về Kinh tế tuần hoàn, Hiệu quả năng lượng và Chuyển đổi xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chuỗi tài liệu đào tạo dành cho các đối tượng là người lao động và sinh viên, nhằm nâng cao nhận thức, hình thành hệ thống kiến thức nền tảng và cung cấp các chứng chỉ hỗ trợ cho sinh viên; đồng thời phục vụ trực tiếp cho nhu cầu thực tiễn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. - Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và ứng dụng đào tạo trực tuyến đáp ứng yêu cầu cho các đối tượng học tập linh hoạt, mọi lúc, mọi nơi, đa dạng nội dung đào tạo và phù hợp với xu hướng đào tạo số hiện đại. - Tích lũy kinh nghiệm triển khai thực tiễn, làm cơ sở cho việc mở rộng các nội dung và chương trình đào tạo trong tương lai. 	<p>nhằm thúc đẩy việc áp dụng các mô hình quản trị theo hướng phát triển bền vững.</p> <p>1. Xây dựng tài liệu đào tạo dành cho các học viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với các trường đại học và doanh nghiệp để tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo; phối hợp với các giảng viên và chuyên gia trong ngành để xây dựng khung chương trình đào tạo. - Phát triển 03 bộ tài liệu đào tạo liên quan đến các lĩnh vực: Kinh tế tuần hoàn, Hiệu quả năng lượng và Chuyển đổi xanh. Các mô-đun đào tạo được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng học viên, theo các cấp độ chuyên sâu khác nhau của nội dung đào tạo. - Mỗi bộ tài liệu được thiết kế theo 03 cấp độ đào tạo có tính kế thừa và liên kết, trong đó người học cần hoàn thành cấp độ trước để đủ điều kiện tham gia cấp độ tiếp theo. 2. Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo - Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ và vận hành, hoạt động đào tạo, quản lý dữ liệu học viên, bảo đảm khả năng cung cấp dịch vụ đào tạo ổn định, cho phép đồng thời nhiều người học truy cập, tổ chức nhiều lớp học và nhiều hình thức đào tạo. 	2850	Tuyển chọn	12

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu của nhiệm vụ	Dự kiến kết quả/sản phẩm và hiệu quả	Mức trần kinh phí (triệu đồng)	Hình thức giao nhiệm vụ	Số tháng thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai ứng dụng Quản lý đào tạo (Learning Management System – LMS) hoặc các nền tảng quản lý đào tạo tương đương, cho phép quản lý người học, nội dung đào tạo, tiến độ học tập, đánh giá kết quả học tập và cấp chứng nhận hoàn thành khóa học; tăng tương tác giảng viên - học viên; cho các đối tượng học tập linh hoạt, mọi lúc, mọi nơi, đa dạng nội dung đào tạo và phù hợp với xu hướng đào tạo số hiện đại. 3. Thực hiện triển khai đào tạo - Tổ chức triển khai đào tạo trong năm 2026 cho khoảng trên 500 – 1.000 học viên ở các cấp độ khác nhau. - Lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các chương trình đào tạo mở rộng và kéo dài thời gian và duy trì năng lực cung cấp đào tạo trong các năm tiếp theo. 			